



Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

C. Vùng núi cao quá trình hình thành đất mạnh.

D. Khí hậu ít ảnh hưởng đến sự hình thành đất.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu hình thành các đới khí hậu trên Trái Đất là

A. bức xạ mặt trời và tính chất bề mặt đệm thay đổi theo vĩ độ.

B. bức xạ mặt trời và hoàn lưu khí quyển thay đổi theo vĩ độ.

C. góc chiếu sáng và các lực phát sinh trong lòng Trái Đất.

D. sự phân bố lục địa, đại dương và các đai khí áp khác nhau.

Câu 14. Khu vực xích đạo có lượng mưa lớn do tác động của các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

A. Áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, thảm thực vật phong phú, dòng biển lạnh.

B. Dải hội tụ nhiệt đới, khu áp cao, diện tích lục địa nhỏ, dòng biển nóng.

C. Áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển nóng, diện tích đại dương lớn.

D. Áp thấp, gió Mậu dịch, dòng biển lạnh, nhiệt độ trung bình năm cao.

Câu 15. Khí hậu có sự thay đổi giữa bờ tây và bờ đông lục địa Nam Mỹ chủ yếu do

A. ảnh hưởng của các dòng biển nóng, dòng biển lạnh, các loại gió.

B. vị trí nằm gần hoặc xa biển, thảm thực vật, các khu khí áp thấp.

C. tác động của frông, hoạt động sản xuất của con người, khí áp.

D. ảnh hưởng của biển, bão và dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió.

Câu 16. Các thảm thực vật trên Trái Đất đa dạng do tác động của các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

A. Khí hậu, đất, địa hình, con người.

B. Khí hậu, địa hình, đất, khoáng sản.

C. Địa hình, đất, con người, thời gian.

D. Đá mẹ, khí hậu, sinh vật, thời gian.

Câu 17. Phong hoá lí học xảy ra mạnh ở các sa mạc và vùng cực chủ yếu do

A. các hợp chất hoà tan trong nước, không khí, axit hữu cơ.

B. tác động của thủy văn, sinh vật, hoạt động của con người.

C. hoạt động của con người, biên độ nhiệt độ năm rất lớn.

D. biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn, sự đóng băng của nước.

Câu 18. Các nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông A-ma-dôn là

A. địa hình, thảm thực vật, chế độ mưa, đặc điểm mạng lưới sông.

B. thảm thực vật, con người, độ cao và hướng nghiêng địa hình.

C. chế độ băng tuyết tan, địa hình, hồ đầm, đặc điểm thổ nhưỡng.

D. diện tích lưu vực, lượng mưa, độ dốc địa hình, đặc điểm đất đá.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của lượng bức xạ mặt trời và nguồn năng lượng bên trong Trái Đất đã làm cho các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí có sự thay đổi. Sự thay đổi đó diễn ra theo vĩ độ, theo kinh độ và độ cao địa hình tạo nên quy luật địa đới và phi địa đới trong vỏ địa lí.

a) Biên độ nhiệt độ năm của nước ta giảm từ Bắc vào Nam là biểu hiện của quy luật địa đới.

b) Tính phi địa đới biểu hiện rõ rệt nhất ở các vùng đất bằng phẳng, rộng lớn.

c) Sự đối lập về khí hậu giữa đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ở nước ta là biểu hiện của quy luật đai cao và địa ô.

d) Quy luật địa đới và phi địa đới là cơ sở để phân chia các khu vực địa lí.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc

(Đơn vị: °C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Nhiệt độ trung bình năm	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	- 0,6	-10,4	- 20,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

- Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về cực.
- Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.
- Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực.
- Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc

(Đơn vị: mm)

Vĩ độ	0° - 10°	10° - 20°	20° - 30°	30° - 40°	40° - 50°	50° - 60°	60° - 70°	70° - 80°
Lượng mưa trung bình năm	1677	763	513	501	561	510	340	194

- Lượng mưa trung bình năm tăng từ xích đạo về cực.
- Khu vực ôn đới có lượng mưa trung bình năm cao nhất.
- Vùng cực có lượng mưa trung bình năm ít nhất.
- Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Do trục Trái Đất luôn nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Độ dài ngày đêm chênh lệch nhau càng nhiều khi đi từ xích đạo về hai cực. Từ vòng cực về cực có hiện tượng “đêm trắng”. Thành phố Xanh Pê-téc-bua nằm ở vĩ độ cao, gần vòng cực Bắc. Xanh Pê-téc-bua thu hút khách du lịch với hiện tượng “đêm trắng”.

- “Đêm trắng” có thời gian ban đêm diễn ra rất ngắn.
- “Đêm trắng” diễn ra chủ yếu ở khu vực từ chí tuyến đến vòng cực.
- “Đêm trắng” diễn ra vào mùa hạ ở Xanh Pê-téc-bua.
- Xanh Pê-téc-bua có hiện tượng “đêm trắng” do địa điểm này nằm hoàn toàn trước đường phân chia sáng tối.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Khi ở thành phố Luân Đôn (múi giờ số 0) đang là 4 giờ thì cùng lúc đó ở thành phố Hà Nội (múi giờ số 7) là mấy giờ?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Lạng Sơn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2021

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	190,3	61,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Huế năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 5. Tại độ cao 1000 m trên dãy núi Cap-ca có nhiệt độ là 18°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500 m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 6. Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1: 200 000 000. Hãy cho biết 1cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

PHẦN I.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	10	A
2	A	11	D
3	C	12	B
4	B	13	B
5	D	14	C
6	D	15	A
7	D	16	A
8	C	17	D
9	A	18	A

PHẦN II.Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,50** điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ	3	a	S
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	Đ		d	Đ
2	a	Đ	4	a	Đ
	b	Đ		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	Đ

PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	11	4	3836
2	13	5	25
3	2632	6	2000

----- Hết -----

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY
ĐỀ MINH HỌA
Môn : ĐỊA LÍ

Thành phần năng lực	Cấp độ tư duy								
	PHẦN I			PHẦN II			PHẦN III		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Nhận thức khoa học Địa lí	7	2	4	6	1	1			
Tìm hiểu Địa lí	1	2	2	2	1			2	
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học					2	3		2	2
Tổng	8	4	6	8	4	4	0	4	2

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.